

Số: 205 /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 1837/TTr-UBND ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết cho ý kiến về tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

a) Tỷ lệ 1,0% đối với đất tại các xã, phường thuộc thành phố Đồng Hới.

b) Tỷ lệ 0,9% đối với đất tại thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy; thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh; thị trấn Hoàn Lão huyện Bố Trạch; phường Ba Đồn, phường Quảng Thọ thị xã Ba Đồn.

c) Tỷ lệ 0,8% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn: Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa; thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa; thị trấn Nông trường Việt

Trung, thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch; thị trấn Nông trường Lê Ninh, huyện Lệ Thủy; xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh; xã Lý Trạch, xã Trung Trạch, xã Đại Trạch, xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch; các phường còn lại của thị xã Ba Đồn.

d) Tỷ lệ 0,7% đối với đất tại các xã, phường, thị trấn không thuộc quy định tại các khoản a, b, c, e khoản 1 Điều này.

e) Tỷ lệ 0,5% đối với đất tại các xã thuộc huyện Minh Hóa; đất tại các xã thuộc huyện Tuyên Hóa; đất tại các xã: Quảng Hợp, Quảng Tiến, Cảnh Hóa, Quảng Kim, Quảng Thạch, Quảng Châu, Phù Hóa thuộc huyện Quảng Trạch; đất tại các xã: Quảng Sơn, Quảng Văn, Quảng Trung, Quảng Minh thuộc thị xã Ba Đồn; đất tại các xã: Phúc Trạch, Sơn Lộc, Tân Trạch, Lâm Trạch, Liên Trạch, Hưng Trạch, Thượng Trạch, Xuân Trạch, Phú Định, Mỹ Trạch thuộc huyện Bố Trạch; đất tại các xã: Trường Xuân, Trường Sơn, Hải Ninh; Duy Ninh, Hiền Ninh thuộc huyện Quảng Ninh; đất tại các xã: Kim Thủy, Trường Thủy, Thái Thủy, Ngân Thủy, Lâm Thủy, Ngư Thủy Bắc, Ngư Thủy, Sen Thủy, Hồng Thủy, Hưng Thủy thuộc huyện Lệ Thủy; đất tại các địa bàn thuộc quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này nhưng sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật.

g) Trường hợp các đơn vị hành chính hợp nhất, sáp nhập, chia, tách áp dụng mức tỷ lệ cao nhất được quy định tại đơn vị hành chính cũ.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm

a) Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai năm 2024, đơn giá thuê đất được xác định như sau:

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm: Đơn giá thuê đất được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước cho thuê đất thì đơn giá thuê đất

phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 70% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TNMT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực THĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban, tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Trần Hải Châu